

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023.

2. Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.¹

¹ 1. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiếp cận để sử dụng nguồn gen nhằm mục đích nghiên cứu hoặc phát triển sản phẩm thương mại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bên cung cấp” là tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quản lý nguồn gen theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Đa dạng sinh học.
2. “Bên tiếp cận” là tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động tiếp cận để sử dụng nguồn gen thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. “Bên thứ ba” là tổ chức, cá nhân tiếp cận để sử dụng nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen được chuyển giao từ Bên tiếp cận đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.
4. “Công nghệ sinh học” là bất kỳ ứng dụng công nghệ nào có sử dụng các hệ thống sinh học, cơ thể sống hoặc dẫn xuất của chúng để tạo ra, làm biến đổi sản phẩm hoặc các quá trình vì mục đích sử dụng cụ thể.
5. “Chứng nhận tuân thủ quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích” là bản thông tin điện tử có các thông tin cơ bản của Giấy phép tiếp cận nguồn gen và Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích do Cơ quan đầu mối quốc gia đăng tải trên Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích của Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học.
6. “Dẫn xuất” là một hợp chất hóa sinh được tạo ra một cách tự nhiên do hoạt động biểu hiện của gen hoặc quá trình trao đổi chất của các nguồn tài nguyên sinh học hoặc di truyền, ngay cả khi hợp chất hóa sinh này không chứa các đơn vị có chức năng di truyền.
7. “Giấy phép tiếp cận nguồn gen” là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên tiếp cận để thực hiện các hoạt động tiếp cận nguồn gen

với các mục đích: nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại; phát triển sản phẩm thương mại.

8. “Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích” là hợp đồng thỏa thuận giữa Bên cung cấp và Bên tiếp cận về các điều khoản và điều kiện để thực hiện hoạt động tiếp cận nguồn gen cho các mục đích sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen (sau đây gọi là Hợp đồng).

9. “Nghị định thư Nagoya” là tên viết tắt của Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học.

10. “Nguồn gốc, xuất xứ của nguồn gen” là nơi có nguồn gen ở trạng thái hoang dã hoặc là nơi nguồn gen đã được thuần hóa và sản xuất lâu đời.

11. “Sử dụng nguồn gen” là các hoạt động nghiên cứu và phát triển có sử dụng các thành phần di truyền, hóa sinh và dẫn xuất của nguồn gen, bao gồm cả việc áp dụng công nghệ sinh học theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

1. Nhà nước Việt Nam thực hiện chủ quyền đối với toàn bộ nguồn gen trên lãnh thổ quốc gia.

2. Bên tiếp cận là tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được thực hiện hoạt động tiếp cận nguồn gen khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép.

3. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển nguồn gen.

4. Việc chia sẻ lợi ích từ sử dụng nguồn gen phải đảm bảo công bằng, hợp lý giữa các bên có liên quan và góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên sinh học, thúc đẩy các quá trình nghiên cứu khoa học và thương mại hóa nguồn gen, chú trọng đến vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên di truyền.

Điều 5. Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường² là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya.

2. Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya có trách nhiệm:

a) Thực hiện thống nhất quản lý hoạt động cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

b) Làm đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin với Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học thông qua Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích theo quy định của Nghị định thư Nagoya; chủ trì xây dựng Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Nagoya tại Việt Nam; kiến nghị, đề xuất việc thực hiện và tổ chức thực hiện theo phân công của Chính phủ các quyết định của Hội nghị các bên tham gia Nghị định thư Nagoya; điều phối, tổ chức việc thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia đối với Nghị định thư Nagoya;

c) Phối hợp với các quốc gia khác trong việc thực hiện các biện pháp tuân thủ Nghị định thư Nagoya áp dụng đối với các nguồn gen của Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

Chương II

CẤP, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Điều 6. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen³

1. Đối tượng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 57 Luật Đa dạng sinh học được sửa đổi tại khoản 13 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

3. Hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử được số hóa, gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao tài liệu chứng minh việc thực hiện tiếp cận nguồn gen được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gồm: Chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ, Biên bản hợp tác, Hợp đồng khoa học công nghệ;

c) Bản sao văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập;

d) Bản sao Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích;

đ) Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Phiếu đánh giá kết quả thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

h) Bản dịch sang tiếng Việt của các loại giấy tờ, văn bản có tiếng nước ngoài (nếu có).

4. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm h khoản 3 Điều này đến Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tiếp; kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần thẩm định gồm đại diện Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn có liên quan, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn gen ngoài tự nhiên, các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được thành lập, Hội đồng thẩm định tiến hành cuộc họp và hoàn thành Báo cáo thẩm định theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này gửi Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch tiếp cận nguồn gen tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen nhưng tối đa không quá 05 năm.

Điều 7. Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen⁴

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

1. Giấy phép tiếp cận nguồn gen được cấp lại trong trường hợp có sự thay đổi thông tin trên giấy phép.

2. Hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử được số hóa, gồm: Bản chính Đơn đăng ký cấp lại theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; bản sao tài liệu chứng minh nội dung thay đổi.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tiếp; kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen⁵

1. Giấy phép tiếp cận nguồn gen được gia hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục tiếp cận nguồn gen đã được cấp phép sau khi Giấy phép hết hiệu lực.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

3. Hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử được số hóa, gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính văn bản của bên cung cấp chấp thuận về việc tiếp tục thực hiện các hoạt động tiếp cận nguồn gen giữa hai bên;

c) Bản chính Báo cáo tình hình thực hiện tiếp cận nguồn gen đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Bản dịch sang tiếng Việt của các loại giấy tờ, văn bản có tiếng nước

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

ngoài (nếu có).

4. Trình tự thực hiện:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc trước khi Giấy phép tiếp cận nguồn gen hết hiệu lực, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tiếp; kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối gia hạn, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen⁶

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

2. Giấy phép tiếp cận nguồn gen bị thu hồi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định có vi phạm quy định của pháp luật về cung cấp thông tin, sử dụng sai mục đích so với Giấy phép tiếp cận nguồn gen, sử dụng nguồn gen gây hại cho con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia.

3. Trình tự thực hiện:

a) Ngay sau khi tiếp nhận bằng chứng vi phạm, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026 (trước đó đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 7 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023).

theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử.

Điều 10. Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại⁷

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu tiếp cận nguồn gen phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Đa dạng sinh học được sửa đổi tại khoản 13 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trừ trường hợp mẫu vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm và các loài hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES); giống cây trồng, giống vật nuôi, mẫu bệnh phẩm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu.

2. Hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử được số hóa, gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao tài liệu chứng minh cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ, Biên bản thỏa thuận hợp tác, Hợp đồng khoa học công nghệ;

c) Bản dịch sang tiếng Việt của các loại giấy tờ, văn bản có tiếng nước ngoài (nếu có).

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công kiểm tra và tiếp nhận ngay khi hồ sơ đảm bảo tính đầy đủ đối với trường hợp nộp trực tiếp; tiếp nhận và kiểm tra trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, trường hợp hồ sơ không hợp lệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Điều 11. Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích⁸

1. Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

2. Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích thực hiện theo quy định tại Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 12.⁹ (Được bãi bỏ)

Điều 13.¹⁰ (Được bãi bỏ)

Điều 14.¹¹ (Được bãi bỏ)

Điều 15.¹² (Được bãi bỏ)

Điều 16.¹³ (Được bãi bỏ)

Điều 17.¹⁴ (Được bãi bỏ)

Điều 18.¹⁵ (Được bãi bỏ)

Điều 19.¹⁶ (Được bãi bỏ)

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026 (trước đó đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 7 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023).

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

¹⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Điều 20.¹⁷ (Được bãi bỏ)**Chương III****CHIA SẺ LỢI ÍCH TỪ VIỆC SỬ DỤNG NGUỒN GEN****Điều 21. Các loại hình lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen**

1. Các lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen bao gồm lợi ích bằng tiền hoặc lợi ích không bằng tiền.
2. Các lợi ích bằng tiền, bao gồm:
 - a) Tiền thu thập mẫu vật di truyền;
 - b) Tiền bản quyền;
 - c) Tiền nhượng quyền thương mại;
 - d) Các khoản tiền thanh toán một lần hoặc theo đợt theo thỏa thuận;
 - đ) Các lợi ích bằng tiền khác phát sinh trong quá trình sử dụng nguồn gen.
3. Các lợi ích không bằng tiền, bao gồm:
 - a) Chia sẻ kết quả nghiên cứu;
 - b) Quyền được tham gia hoạt động hợp tác nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm thương mại;
 - c) Quyền được tiếp cận với thông tin khoa học, kỹ thuật liên quan;
 - d) Chuyển giao công nghệ cho Bên cung cấp nguồn gen;
 - đ) Đào tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển nguồn gen;
 - e) Quyền sở hữu trí tuệ chung tương ứng với tỷ lệ đóng góp đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen;
 - g) Các lợi ích không bằng tiền khác.

Điều 22. Cách thức chia sẻ lợi ích bằng tiền

1. Tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền đối với sản phẩm được tạo ra từ quá trình sử dụng nguồn gen không thấp hơn 1% tổng doanh thu hàng năm của sản phẩm đó.
2. Tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền thu được từ việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen; sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ việc sử dụng nguồn gen phải đảm bảo cho Bên cung cấp không thấp hơn 2% tổng giá trị chuyển giao hoặc tổng tiền thu được từ việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ.
3. Tổng lợi ích bằng tiền từ việc tiếp cận, sử dụng nguồn gen được chia sẻ

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

cho các bên liên quan như sau:

a) Bên cung cấp là Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu bảo tồn, Chủ cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen thuộc nhà nước quản lý, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được nhà nước giao quản lý được chia sẻ 30% lợi ích bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; 70% lợi ích bằng tiền thu được còn lại nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học;

b) Bên cung cấp là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý nguồn gen được chia sẻ 50% lợi ích bằng tiền được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; 50% lợi ích bằng tiền thu được còn lại nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

Điều 23. Chia sẻ lợi ích không bằng tiền

1. Việc chia sẻ lợi ích không bằng tiền phát sinh từ hoạt động sử dụng nguồn gen do các bên thỏa thuận và được ghi nhận tại Hợp đồng.

2. Các đối tượng được chia sẻ lợi ích không bằng tiền, bao gồm: Bên cung cấp đối tác trong nước của Bên tiếp cận là tổ chức nước ngoài và các tổ chức, cá nhân liên quan khác.

3. Khi công bố các kết quả nghiên cứu khoa học hoặc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen, các tổ chức, cá nhân phải ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của nguồn gen đã tiếp cận.

Chương IV

THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO

Điều 24. Đăng tải Chứng nhận tuân thủ quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích¹⁸

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản hoặc quyết định cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen, quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài, Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm đăng tải để công bố, hủy Chứng nhận tuân thủ quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, các vấn đề liên quan trên Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích của Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học theo quy định tại Nghị định thư Nagoya.

¹⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Điều 25. Báo cáo kết quả việc thực hiện tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích¹⁹

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép như sau:

a) Báo cáo hoạt động trong thời gian tiếp cận nguồn gen ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

b) Định kỳ 02 năm một lần, báo cáo về tình hình, kết quả sử dụng nguồn gen;

c) Báo cáo đột xuất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, chậm nhất sau 03 tháng, kể từ ngày kết thúc chương trình học tập, nghiên cứu, có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài theo quy định tại Mẫu số 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²⁰

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁰ Điều 40, Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 5 Điều 7, Điều 11, Điều 17 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

b) Điều 6, Điều 7, Điều 17, Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Phụ lục I, II, III, IV, V và VI ban hành kèm theo Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;

c) Nghị định số 108/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;

d) Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

đ) Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, khoản 2, khoản 6 Điều 26, Điều 27 và Phụ lục Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

e) Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

g) Điều 12, khoản 2, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

h) Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;

i) Điều 41, Điều 42, Điều 43, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 44, khoản 1 Điều 45, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 46 và Phụ lục VIII Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

k) Mục 9 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

2. Đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

3. Đối với trường hợp sử dụng sinh vật biến đổi gen trong điều kiện sản xuất khép kín mà chưa được cấp Giấy chứng nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng trong sản xuất khép kín theo quy định của Nghị định này, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng sinh vật biến đổi gen trong sản xuất khép kín phải thực hiện đăng ký theo quy định của Nghị định này.

4. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

5. Đối với hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

6. Đối với trường hợp đã lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước nhưng chưa tổ chức thẩm định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, việc thẩm định dự án và quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định của Nghị định này.

7. Đối với trường hợp đã hoàn thành thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, việc quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro của sinh vật biến đổi gen;

c) Kiểm tra việc thực hiện công bố xác định sinh vật biến đổi gen, sinh vật chỉnh sửa gen;

d) Thành lập Hội đồng an toàn sinh học theo các quy định tại khoản 4 Điều 18, khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 37a Nghị định số 69/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tương ứng tại Điều 13, Điều 15 và Điều 18 Nghị định này. Thành phần Hội đồng an toàn sinh học gồm ít nhất 11 thành viên là đại diện của các bộ trong lĩnh vực công an, công thương, khoa học và công nghệ, nông nghiệp và môi trường, y tế và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Hoạt động của Hội đồng an toàn sinh học thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thành lập Hội đồng an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi theo các quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 69/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Nghị định này. Thành phần Hội đồng an toàn sinh học gồm ít nhất 11 thành viên là đại diện của các bộ trong lĩnh vực công thương, khoa học và công nghệ, nông nghiệp và môi trường, y tế và các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Hoạt động của Hội đồng an toàn thực phẩm, thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

e) Chỉ đạo việc kiểm tra quá trình khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen theo quy định của Nghị định này; kịp thời phát hiện và phối hợp xử lý những vi phạm hoặc rủi ro trong quá trình khảo nghiệm.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ khảo nghiệm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, lưu giữ sinh vật biến đổi gen có trách nhiệm:

Điều 26. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường²¹ có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức thực hiện các nội dung được giao theo quy định của Nghị định này;
 - b) Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn, gen, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
 - c) Thiết lập và vận hành Cổng thông tin điện tử, hệ thống đăng ký, báo cáo qua mạng thông tin điện tử về nguồn gen, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
 - d) Hướng dẫn chi tiết việc tiếp cận tri thức truyền thống về nguồn gen;
 - đ) Phối hợp với các bộ có liên quan hướng dẫn chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen.
- 2.²² *(Được bãi bỏ)*
3. Bộ Y tế có trách nhiệm:
 - a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện các quy định của Nghị định này;
 - b) Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen đối với nguồn gen được liệu theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - c) Cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn gen được liệu phục vụ hoạt động thẩm định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.
4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:
 - a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tham gia hoạt động thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn gen phục vụ hoạt động thẩm định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo lĩnh vực quản lý

-
- a) Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro để bảo đảm an toàn sinh học theo quy định của pháp luật;
 - b) Khi xảy ra rủi ro phải khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục rủi ro, kịp thời báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra rủi ro;
 - c) Đối với tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng trong sản xuất khép kín, báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi có sự thay đổi về địa điểm sản xuất, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định không phát tán các sinh vật biến đổi gen trong sử dụng khép kín ra môi trường.
 4. Tổ chức, cá nhân không tuân thủ các biện pháp quản lý rủi ro thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

²¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen; quản lý hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen trên địa bàn quản lý;

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nguồn gen trên địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.²³ (Được bãi bỏ)

Điều 27.²⁴ (Được bãi bỏ)

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NNMT;
- Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BTTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị

²³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

²⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục

CÁC MẪU BIỂU VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN ²⁵

*(Kèm theo Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm định
Mẫu số 03	Biên bản họp Hội đồng thẩm định
Mẫu số 04	Phiếu đánh giá hồ sơ của thành viên Hội đồng thẩm định
Mẫu số 05	Quyết định về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 06	Đơn đăng ký cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 07	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 08	Báo cáo tình hình tiếp cận và sử dụng nguồn gen
Mẫu số 09	Quyết định về việc gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 10	Đơn đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại
Mẫu số 11	Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại
Mẫu số 12	Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
Mẫu số 13	Báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại đối với nguồn gen đã được cho phép đưa ra nước ngoài

²⁵ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục IV Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thông tin chung:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; Thông tin về cá nhân là thành viên (tổ chức khoa học và công nghệ: số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; Công ty: số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp): tên đầy đủ của tổ chức, tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

2. Nội dung tiếp cận:

- Nguồn gen: tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài);

- Dự kiến lượng nguồn gen tiếp cận (nêu rõ bao nhiêu mẫu nguồn gen, số lượng/khối lượng).

- Mục đích tiếp cận nguồn gen:

- ☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại
- ☐ Nghiên cứu vì mục đích thương mại
- ☐ Phát triển sản phẩm thương mại

- Địa điểm tiếp cận:

- Bên cung cấp: (ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ)

- Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có): *(Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam).*

3. Dự kiến phương án tiếp cận:

- Thời gian tiếp cận: thời điểm bắt đầu, kết thúc (Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 05 năm);

- Cách thức tiếp cận: phương tiện, công cụ thu thập mẫu;

- Địa điểm tiếp cận: mô tả địa điểm/tên hành chính (cấp xã/phân khu) thu thập, toạ độ GPS khi tiếp cận ngoài tự nhiên hoặc tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; hoặc tiếp cận bộ sưu tập...

- Tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).

4. Việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có):

Nêu các thông tin khái quát về việc dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.

5. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản ... Điều Nghị định số/202..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202.... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học và các tài liệu khác, nếu có)

6. Cam kết

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) cam kết việc tiếp cận nguồn gen bảo đảm, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnhcho phép tiếp cận nguồn gen.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

I. Thông tin chung

1. Tên nguồn gen được đề nghị tiếp cận:

2. Tổ chức/cá nhân đề nghị:

3. Thành phần Hội đồng:

- Chủ tịch:
- Phó Chủ tịch:
- Thư ký:
- Các thành viên:

4. Các tài liệu được xem xét:

- Đơn đề nghị
- Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
- Các tài liệu khác (nếu có):

II. Nội dung thẩm định:

1. Đánh giá các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đề nghị:

TT	Nội dung	Thông tin cung cấp trong hồ sơ (Có/Không có thông tin, chi tiết)
1.	Nguồn gen đề nghị tiếp cận	
2.	Mục đích tiếp cận nguồn gen	
3.	Bên cung cấp nguồn gen	
4.	Bên tiếp cận nguồn gen	
5.	Thời gian tiếp cận	
6.	Địa điểm tiếp cận	
7.	Cách thức tiếp cận	
8.	Đưa nguồn gen ra nước ngoài	
9.	Chuyển giao cho bên thứ ba (thay đổi và không thay đổi mục đích sử dụng)	
10.	Điều khoản về chia sẻ lợi ích (bằng tiền và không bằng tiền)	
11.	Thời gian hợp đồng	

Đối với trường hợp tổ chức đề nghị là tổ chức, cá nhân nước ngoài, đánh giá thêm các thông tin sau:

1.	Tên tổ chức khoa học công nghệ trong nước hợp tác	
2.	Thông tin về hoạt động hợp tác	

Đối với trường hợp nguồn gen tiếp cận thuộc danh mục tiếp cận, sử dụng có điều kiện:

1.	Văn bản chấp thuận của bộ quản lý ngành, lĩnh vực	
2.	Đánh giá về tình trạng bảo tồn và khai thác, sử dụng của nguồn gen đăng ký tiếp cận thuộc danh mục tiếp cận, sử dụng có điều kiện	

2. Sự phù hợp của nội dung Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với các quy định hiện hành của pháp luật:

3. Nhận xét về việc đánh giá tác động (dự kiến) về tiếp cận nguồn gen đối với đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội:

4. Đánh giá năng lực thực hiện việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen của Bên tiếp cận nguồn gen:.....

III. Kết luận và khuyến nghị:

1. Ý kiến kết luận đối với các nội dung thẩm định:

.....

2. Những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, điều khoản cụ thể cần đề cập trong Giấy phép

.....

IV. Kiến nghị của Hội đồng:

☐ Đề nghị UBND tỉnh cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

☐ Đề nghị hoàn thiện, bổ sung hồ sơ trước khi xem xét cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

☐ Không đủ điều kiện cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày tháng năm

BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG

I. Thông tin chung về cuộc họp Hội đồng:

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại của tổ chức/cá nhân... được thành lập theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày .../.../20... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh).....

2. Thời gian và địa điểm cuộc họp:

- Thời gian: từ ... giờ ... ngày .../... /20... đến ... giờ... ngày .../... /20...

- Địa điểm:

3. Thành phần tham gia cuộc họp:

- Thành viên có mặt: *chỉ cần ghi số lượng thành viên có mặt trên tổng số thành viên trong Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.*

- Thành viên vắng mặt: *ghi đầy đủ số lượng, họ tên và chức danh trong Hội đồng thẩm định của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt:*

- Đại biểu tham dự (nếu có):

II. Nội dung và diễn biến cuộc họp Hội đồng:

Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của cuộc họp Hội đồng thẩm định, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định.

1. Ủy viên Thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì cuộc họp (Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền) điều hành cuộc họp.

2. Tổ chức, cá nhân trình bày tóm tắt nội dung Hồ sơ:

3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên Hội đồng: ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi.

4. Ý kiến nhận xét về Hồ sơ: *ghi chi tiết ý kiến của ủy viên phản biện và các ủy viên Hội đồng.*

5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có):

6. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng:

III. Kết luận cuộc họp Hội đồng:

1. Người chủ trì cuộc họp công bố kết luận của Hội đồng thẩm định: *được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng, trong đó tóm tắt ngắn gọn những nội dung đạt yêu cầu của Hồ sơ, những nội dung của hồ sơ cần phải được chỉnh sửa, bổ sung.*

2. Ý kiến khác của các thành viên Hội đồng (nếu có):

IV. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

1. Số phiếu đồng ý thông qua:

2. Số phiếu đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

3. Số phiếu không đồng ý thông qua:

V. Người chủ trì cuộc họp tuyên bố kết thúc cuộc họp

Biên bản được hoàn thành vào hồi ... giờ ... ngày .../.../20... tại.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TIẾP CẬN
 NGUỒN GEN ĐỂ NGHIÊN CỨU VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI,
 PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THƯƠNG MẠI CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN...**

I. Thông tin về thành viên Hội đồng:

1. Họ và tên (*chức danh khoa học, học hàm, học vị*):
2. Cơ quan công tác:
3. Chức vụ:
4. Chức danh trong Hội đồng

II. Các nội dung đánh giá, thẩm định hồ sơ:

- Những nội dung đã đạt được:
- Những điểm còn tồn tại, cần chỉnh sửa, bổ sung:

III. Kết luận:

1. Đồng ý thông qua^[1] ☐
2. Đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung^[2] ☐
3. Không đồng ý thông qua^[3] ☐

Nếu chọn mục b đề nghị xác định rõ những nội dung nào cần phải chỉnh sửa, bổ sung:

.....

Khuyến nghị về những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, điều khoản cụ thể cần đề cập trong Giấy phép

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

^[1] Phiếu đánh giá đồng ý thông qua: khi các thông tin trong hồ sơ đáp ứng đầy đủ theo nội dung thẩm định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

^[2] Phiếu đánh giá đồng ý thông qua với điều kiện bổ sung: khi các thông tin trong hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ các nội dung thẩm định tại mục II của Bản nhận xét (Phụ lục số 03), nhưng vẫn phù hợp với các quy định pháp luật

^[3] Phiếu đánh giá không đồng ý thông qua khi nội dung trong hồ sơ không phù hợp với quy định pháp luật và có căn cứ về việc vi phạm của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen
 (Hồ sơ gốc số ngày)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân)....;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen cho:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; Thông tin về mà cá nhân là thành viên (tổ chức khoa học và công nghệ: số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; Công ty: số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp): tên đầy đủ của tổ chức, tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ

liên hệ; điện thoại; fax.

Điều 2. Phạm vi tiếp cận, sử dụng nguồn gen:

1. Nguồn gen: tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài).
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận.
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc).
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).
7. Thông tin của các bên sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
8. Thông tin về việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.
9. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức, cá nhân) được cấp phép:

1. Sử dụng nguồn gen cho mục đích “...” (mục đích đăng ký).
2. Thực hiện Kế hoạch tiếp cận nguồn gen được ban hành kèm theo Quyết định này.
3. Thực hiện các nội dung tại Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích số ngày ... tháng ... năm.... giữa (Bên tiếp cận) và (Bên cung cấp).
4. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định khác có liên quan khi tiếp cận và sử dụng nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen có nguồn gốc, xuất xứ tại Việt Nam.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP LẠI GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....

1. Thông tin chung:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; Thông tin về mà cá nhân là thành viên (tổ chức khoa học và công nghệ: số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; Công ty: số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp): tên đầy đủ của tổ chức, tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

2. Lý do đề nghị cấp lại: Thay đổi thông tin đã được cấp phép

3. Hồ sơ đăng ký cấp lại: Tài liệu chứng minh thay đổi thông tin về tổ chức đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các thông tin được cung cấp trong hồ sơ kèm theo.

....., ngày... tháng... năm ...

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

1. Thông tin chung

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; Thông tin về mà cá nhân là thành viên (tổ chức khoa học và công nghệ: số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; Công ty: số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp): tên đầy đủ của tổ chức, tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp theo Quyết định số ... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của.....

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đã thực hiện

.....

3. Nội dung đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

- Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

- Thời gian đề nghị gia hạn: Từ... đến ...

4. Tài liệu gửi kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản

Điều Nghị định số .../202.../ND-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) cam kết việc tiếp cận nguồn gen bảo đảm, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh) xem xét gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh, đóng dấu nếu có)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

(Địa danh), ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN GEN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:

(Tên tổ chức, cá nhân báo cáo)... báo cáo tình hình, kết quả sử dụng nguồn gen trong thời gian từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm với các thông tin cụ thể như sau:

I. Thông tin chung:

1. Thông tin về Quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen:

a) Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

b) Thời hạn hiệu lực của Quyết định:

2. Mục đích tiếp cận nguồn gen:

☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại☐ Nghiên cứu vì mục đích thương mại☐ Phát triển sản phẩm thương mại

3. Hoạt động phát sinh sau khi được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen:

a) Đưa nguồn gen ra nước ngoài:

b) Các hoạt động phát sinh khác, nêu cụ thể:

4. Thông tin, nội dung chính của Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích:

a) Số và ngày ký Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích:

b) Hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích:

c) Các nghĩa vụ của Bên tiếp cận:

d) Các nghĩa vụ của Bên cung cấp:

II. Thông tin mô tả chi tiết về mẫu nguồn gen đã tiếp cận, sử dụng:

1. Nguồn gen đã thu thập: tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài).
2. Lượng mẫu nguồn gen đã thu thập: (Ghi rõ số lượng/khối lượng mẫu vật, cá thể đã thu thập)
3. Thời gian thu thập mẫu nguồn gen: (Thời điểm bắt đầu và kết thúc thu thập nguồn gen)
4. Bên cung cấp nguồn gen:
5. Đặc điểm mẫu nguồn gen: (Bộ phận thu thập, tiếp cận)
6. Địa điểm thu thập mẫu nguồn gen: *(Địa chỉ, trong trường hợp tiếp cận nguồn gen ngoài tự nhiên: Ghi rõ: Tọa độ địa lý khu vực tiếp cận; Diện tích khu vực tiếp cận; Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận)*
7. Cách thức tiếp cận và phương pháp thu thập mẫu nguồn gen: *(Phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng, kỳ/đợt thu mẫu)*
8. Ảnh chụp về loài, mẫu nguồn gen đã thu thập (nếu có).

III. Thông tin về việc sử dụng nguồn gen:

1. Thông tin cụ thể của các bên sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen:
2. Thông tin chi tiết về việc nghiên cứu đối với nguồn gen đã tiếp cận:
 - a) Kết quả nghiên cứu sinh học đối với mẫu nguồn gen đã tiếp cận (phân loại, tế bào học, tiến hóa, di truyền và đánh giá sinh thái quần thể):
 - b) Kiểm kê loài, dữ liệu sinh thái và hình ảnh của địa điểm làm mẫu:
 - c) Kết quả sàng lọc, các kết quả nghiên cứu hóa sinh hay kết quả nghiên cứu về gen khác:
 - d) Các công bố (xuất bản hay trình bày hội nghị) từ việc nghiên cứu mẫu nguồn gen đã tiếp cận:
3. Thông tin chi tiết về việc thử nghiệm, sản xuất sản phẩm thương mại từ nguồn gen đã tiếp cận:
4. Các thỏa thuận đối với bên thứ ba liên quan đến mẫu nguồn gen đã tiếp cận:
5. Thông tin về việc sử dụng tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen đã tiếp cận, bao gồm cả việc xác định các đặc tính, công dụng và lợi ích của nguồn gen (nếu có):

IV. Thông tin về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen đã tiếp cận

1. Nêu chi tiết việc chia sẻ lợi ích bằng tiền đã thực hiện:
 - a) Tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền đối với sản phẩm được tạo ra từ quá trình

sử dụng nguồn gen:

b) Tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền thu được từ việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen; sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ việc sử dụng nguồn gen:

c) Doanh thu có được từ việc sử dụng nguồn gen đã tiếp cận:

d) Các loại hình chia sẻ lợi ích đã thực hiện với Bên cung cấp và các bên liên quan ở Việt Nam:

2. Nêu chi tiết việc chia sẻ lợi ích không bằng tiền đã thực hiện:

Các loại hình lợi ích đã thực hiện và chia sẻ cho Bên cung cấp và các bên liên quan ở Việt Nam:

3. Các thông tin về báo cáo và sổ sách kế toán (nếu có):

a) Liệt kê các giao dịch chính được thực hiện:

b) Tóm tắt báo cáo riêng về các biên lai, hóa đơn về giao dịch liên quan đến mẫu nguồn gen:

c) Tóm tắt các báo cáo, sổ ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác:

Trên đây là báo cáo của (tên tổ chức, cá nhân báo cáo) về tình hình, kết quả sử dụng nguồn gen đã được cấp phép, kính gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)..... theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;**Xét hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân);**Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen tại Quyết định số ... /QĐ-.... ngày...tháng...năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnhvề việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...**Điều 2.** Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh) về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm ...**Điều 4.** Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯA NGUỒN GEN
 RA NƯỚC NGOÀI PHỤC VỤ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU
 KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký

- Trường hợp là tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Trường hợp là cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

2. Mục đích đưa ra nước ngoài

☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại

☐ Học tập

3. Thông tin về nguồn gen đưa ra nước ngoài

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1.	Tên nguồn gen	<i>Tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài; trường hợp đưa nguồn gen ra nước ngoài thực hiện nghiên cứu phân loại có thể áp dụng cấp chi)</i>
2.	Địa điểm thu thập nguồn gen	<i>(Địa chỉ, trong trường hợp tiếp cận nguồn gen ngoài tự nhiên: Ghi rõ: Tọa độ địa lý khu vực tiếp cận; diện tích khu vực tiếp cận; hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận)</i>
3.	Thời gian thu thập nguồn gen	
4.	Mẫu nguồn gen	<i>(Bộ phận thu thập, tiếp cận)</i>
5.	Số lượng/Khối lượng đã thu thập	
6.	Mô tả cách thức đã thu thập	<i>(Phương tiện, công cụ, thiết bị sử dụng; hình thức tiếp cận)</i>
7.	Tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có sử dụng)	

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
8.	Số lượng/Khối lượng nguồn gen đăng ký đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	

4. Thông tin về Bên cung cấp

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động; quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Họ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

5. Thông tin về việc sử dụng nguồn gen ở nước ngoài

Cung cấp thông tin cụ thể về tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, tiếp nhận nguồn gen để phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

6. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản Điều Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*).

7. Cam kết

(Tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân) cam kết:

- Chỉ sử dụng nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

- Không chuyển giao nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài cho bên thứ ba;

- Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo được quy định tại khoản Điều Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh) xem xét cho phép đưa nguồn gen đề nghị nêu trên ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

(Địa danh), ngày tháng ... năm ...

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC/

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

(Địa danh), ngày tháng năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài
 phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Xét hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại của... (tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)....;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông tin về tổ chức/cá nhân được cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chung về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

Điều 2. Thông tin về nguồn gen được cho phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

1. Nguồn gen (*tên loài - tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài; trường hợp đưa nguồn gen ra nước ngoài thực hiện nghiên cứu phân loại có thể sử dụng tên chi*).

2. Mẫu nguồn gen.

3. Thông tin về Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).

4. Địa điểm đã thu thập nguồn gen.

5. Số lượng/Khối lượng nguồn gen được phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Địa điểm sử dụng nguồn gen ở nước ngoài (tên tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chi tiết liên hệ).

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức/cá nhân) được cấp phép:

1. Chỉ sử dụng nguồn gen được cấp phép phục vụ mục đích học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

2. Không chuyển giao nguồn gen được cấp phép cho bên thứ ba.

3. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo được quy định tại khoản Điều Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), ...và (tên tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như tại Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cơ quan hải quan;
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

(Số: ...-...../Bên cung cấp - Bên tiếp cận)

Căn cứ Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Căn cứ vào nhu cầu của (tên Bên cung cấp) và (tên Bên tiếp cận);

Hợp đồng này được lập ngày....tháng....năm.... tại (địa điểm).....

Giữa

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên cung cấp”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; Số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

Và

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TIẾP CẬN NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên tiếp cận”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân:

+ Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;

+ Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

(Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng hợp tác để thực hiện tiếp cận nguồn gen, các tổ chức, cá nhân này phải cung cấp đầy đủ các thông tin; tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và cùng ký Hợp đồng)

HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1. Bên cung cấp và Bên tiếp cận thống nhất việc cung cấp và sử dụng nguồn gen với các thông tin cụ thể sau đây:

1. Nguồn gen: (Tên Việt Nam, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài).

2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận: Nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, khối lượng, cá thể....

3. Mục đích tiếp cận nguồn gen: Ghi rõ mục đích là 1 trong 3 trường hợp: Nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm thương mại.

4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 05 năm.

5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.

6. Thông tin cụ thể của các bên dự kiến sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.

7. Thông tin về dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có).

8. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9. Các thỏa thuận khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo về Kế hoạch tiếp cận nguồn gen)

Điều 2. Chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen

Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên cung cấp và Bên tiếp cận tiến hành thương thảo về hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Điều 3. Nghĩa vụ của Bên tiếp cận

1. Đối với việc tiếp cận nguồn gen:

- Chỉ triển khai điều tra, thu thập nguồn gen theo Kế hoạch tiếp cận nguồn gen sau khi có Giấy phép tiếp cận nguồn gen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

2. Đối với việc sử dụng nguồn gen:

- Chỉ được sử dụng nguồn gen theo mục đích tiếp cận nguồn gen đã được quy định tại Hợp đồng này;

- Đối với việc phát triển sản phẩm thương mại, phải định kỳ thông tin, báo cáo với Bên cung cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về tình hình sử dụng nguồn gen, thông tin về doanh thu từ việc sử dụng và thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen.

3. Thay đổi mục đích tiếp cận, sử dụng nguồn gen: Việc thay đổi mục đích tiếp cận nguồn gen được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

4. Về quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen:

- Bên tiếp cận đảm bảo cung cấp thông tin về nguồn gốc, xuất xứ nguồn gen của Bên cung cấp khi đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận, sử dụng nguồn gen;

- Khi tiến hành thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen được tiếp cận, Bên tiếp cận phải đảm bảo chia sẻ lợi ích theo Điều 2 của Hợp đồng này và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

5. Chuyển giao nguồn gen đã được tiếp cận cho bên thứ ba: Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

6. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích: Thực hiện chia sẻ lợi ích quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

7. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định của pháp luật về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

8. Thanh toán cho Bên cung cấp và các bên liên quan thù lao, chi phí, các khoản phí, lệ phí, thuế theo quy định.

9. Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên cung cấp

1. Phối hợp với Bên tiếp cận trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi có yêu cầu.

2. Cung cấp cho Bên tiếp cận các nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Chế độ sổ sách kế toán

Bên tiếp cận có trách nhiệm duy trì và cập nhật chính xác, đầy đủ sổ sách kế toán và báo cáo liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm:

1. Các giao dịch được thực hiện.
2. Báo cáo riêng rẽ về các biên lai, hóa đơn.
3. Các sổ sách kế toán có thể được tiếp cận và kiểm tra, tất cả được lập theo tiêu chuẩn kế toán chung.
4. Các báo cáo, sổ sách ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác.
5. Bên tiếp cận phải lưu sổ sách kế toán, báo cáo liên quan đến các mẫu vật trong vòng năm kể từ ngày hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Điều khoản này vẫn duy trì ngay cả khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.

6. Các thỏa thuận khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, các bên có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:

- Thuế, phí, lệ phí.
- Thỏa thuận về bảo mật thông tin phù hợp với quy định pháp luật.
- Bảo hiểm.
- Tiếp cận hồ sơ, sổ sách.
- Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng.
- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các nội dung khác có liên quan.

Hợp đồng này được lập thành ...bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang). Mỗi bên giữ ... bản, 01 bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BÊN CUNG CẤP

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

BÊN TIẾP CẬN

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

(Địa danh), ngày tháng năm ...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU
KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI NGUỒN GEN
ĐÃ ĐƯỢC CHO PHÉP ĐƯA RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:

(Tên tổ chức, cá nhân báo cáo).... báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu đối với nguồn gen đã được cho phép đưa ra nước ngoài theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh) như sau:

I. Thông tin chung:

1. Mục đích đưa nguồn gen ra nước ngoài:

☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại☐ Học tập

2. Nêu chi tiết việc tiếp nhận lại mẫu nguồn gen đã được cho phép đưa ra nước ngoài (nếu có):

II. Thông tin mô tả chi tiết về mẫu nguồn gen và việc đưa nguồn gen ra nước ngoài:

1. Mẫu nguồn gen đã đưa ra nước ngoài: tên loài (tên tiếng Việt, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài).

2. Đặc điểm mẫu nguồn gen: (Bộ phận thu thập, tiếp cận)

3. Bên cung cấp:

4. Địa điểm đã thu thập mẫu nguồn gen: (Địa chỉ, trong trường hợp tiếp cận nguồn gen ngoài tự nhiên: Ghi rõ: Tọa độ địa lý khu vực tiếp cận; diện tích khu vực tiếp cận; hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận)

5. Số lượng/Khối lượng mẫu nguồn gen đã đưa ra nước ngoài: (Ghi rõ số lượng/khối lượng mẫu vật, cá thể đã thu thập)

6. Thời gian thực hiện việc đưa nguồn gen ra nước ngoài:

III. Thông tin về việc sử dụng nguồn gen ở nước ngoài:

1. Tên tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen ở nước ngoài (ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ, người đại diện, người liên lạc của tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen ở nước ngoài):

2. Địa điểm thực hiện các hoạt động nghiên cứu, học tập đối với nguồn gen ở nước ngoài:

3. Mô tả các kết quả đã đạt được từ việc nghiên cứu, học tập đối với nguồn gen ở nước ngoài:

4. Mô tả các phát hiện mới đóng góp cho khoa học từ việc nghiên cứu, học tập đối với nguồn gen (nếu có):

IV. Kết quả công bố (xuất bản hay trình bày hội nghị) từ việc nghiên cứu, học tập liên quan đến nguồn gen

V. Kết quả đăng ký sở hữu trí tuệ liên quan đến nguồn gen (nếu có)

VI. Các cơ hội nghiên cứu và xây dựng năng lực cho Việt Nam liên quan đến nguồn gen

VII. Thông tin về tiềm năng thương mại sau quá trình thực hiện nghiên cứu/học tập không vì mục đích thương mại

VIII. Các thông tin khác liên quan đến việc nghiên cứu, học tập nguồn gen (nếu có)

Trên đây là báo cáo của (Tên tổ chức, cá nhân báo cáo) về kết quả học tập, nghiên cứu đối với nguồn gen đã được cho phép đưa ra nước ngoài, kính gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)..... theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)